

Unit 2: My funny friends

Lesson 1: Vocabulary

1. Look and choose. Then click on the picture and say along. (Nhìn hình và chọn.
Sau đó nhấn vào hình để nghe và tập đọc theo)



1. girl / boy



2. girl / teacher



3. girl / boy



4. friend / teacher



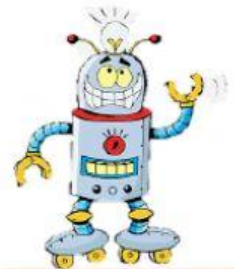
5. small / big



6. small / big



7. big / tall



8. funny / tall

2. Look and choose words that describe the things (Nhìn, và chọn các từ để mô tả)



The apple is big / green / small / purple .



The boy is short / tall / small .



The girl is small / big / tall .

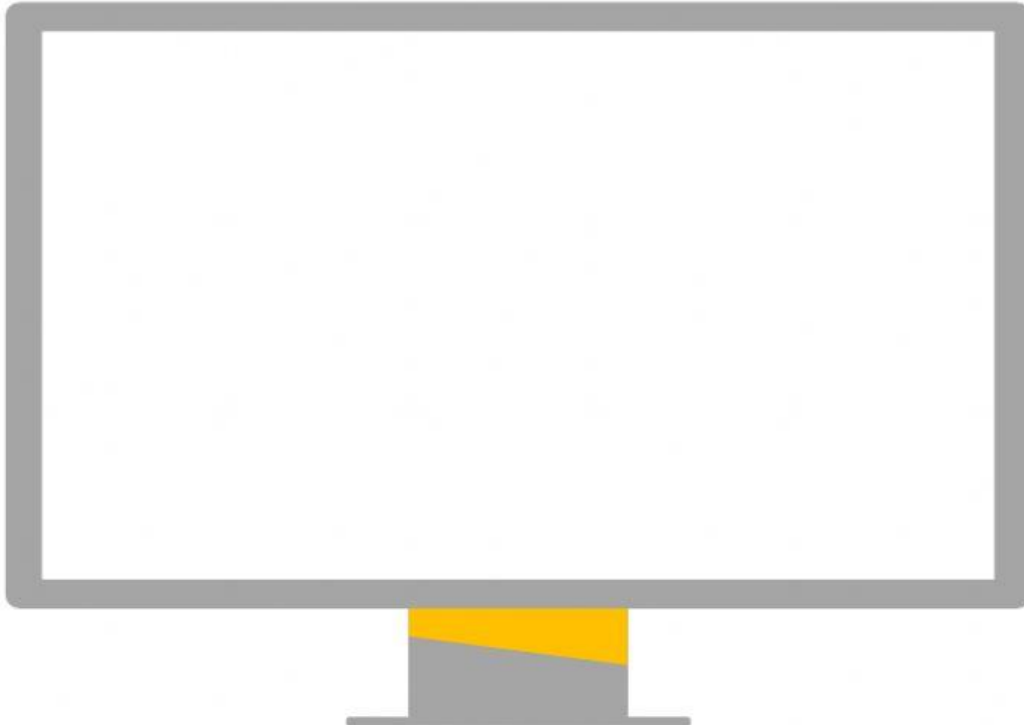


The lion is small / big / orange / funny .

Unit 2: My funny friends

Lesson 1: Vocabulary

3. Watch and repeat. Tick when you're done. (Xem và hát theo. Tick vào ô khi con hoàn thành)

☐

4. Watch and repeat. Tick when you're done. (Xem và hát theo. Tick vào ô khi con hoàn thành)

☐